TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 11 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm

Bà Dương Thị Mỹ Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn X, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ X, ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ X, ấp Đ, xã A, huyện, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn X trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh tại Tổ X, ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T thường ghen tuông

vô cớ. Vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên cãi vã. Đến khoảng cuối tháng 3/2017, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị T ghen tuông đuổi anh đi. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến tháng 5/2019 anh mới quay về. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thanh Q, sinh ngày 02/7/1997, Phạm Thị Mỹ D sinh ngày 17/11/1994. Hiện 02 con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất lời trình bày của anh X về thời gian chung sống là đúng. Tuy nhiên, chị và anh X không có phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thỉnh thoảng có cãi vã do anh X có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, từ khi kết hôn đến nay anh X vẫn thường như vậy, nhưng vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Nay anh X yêu cầu ly hôn vì muốn đưa người phụ nữ khác về nhà sống nên chị không đồng ý ly hôn, chị còn thương chồng và mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thanh Q, sinh ngày 02/7/1997, Phạm Thị Mỹ D sinh ngày 17/11/1994. Hiện 02 con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn X về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn X và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Uỷ an nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa anh X và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ .

[2] Anh X trình bày từ năm 2009 vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ, đến năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị T đuổi anh ra khỏi nhà. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Tuy nhiên, chị T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2017 anh X tự ý dọn ra ngoài sống với người phụ nữ khác nhưng vẫn quay về nhà sống bình thường. Từ sau khi cưới đến nay anh X vẫn thường có mối quan hệ quen biết với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài nhưng chị vẫn chấp nhận, không hề ghen tuông và vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc. Nay anh X kiên quyết ly hôn vì muốn đưa người phụ nữ khác về nhà nên chị không đồng ý ly hôn, chị còn thương chồng và mong muốn được đoàn tụ.

[3] Qua xác minh tại địa phương thấy rằng, từ sau khi kết hôn, chị T luôn làm tròn nghĩa vụ của một người vợ, chăm lo cho gia đình chồng, chăm sóc tốt cho chồng và các con. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Anh X thường có mối quan hệ với những người phụ nữ khác nhưng vẫn về nhà sống. Xét thấy anh X vì có mối qua với người phụ nữ khác mà yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn trầm trọng là không chính đáng. Tại phiên toà, anh X cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh hôn nhân giữa anh và chị T thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh X đối với chị T.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 147; Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn X đối với chị Nguyễn Thị T

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh X đã nộp theo biên lai thu số 0017415 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh X đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thanh Vy